

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Số: 16 /2019/TB-TĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc cho sinh viên miễn học - bảo lưu kết quả điểm

- Căn cứ Khoản 3- Điều 25 về việc ghi nhận điểm miễn cho sinh viên theo Quy chế tổ chức và quản lý trình độ đại học Trường Đại học Tôn Đức Thắng ban hành kèm theo quyết định số 1174/2017/QĐ-TĐT ngày 11/7/2017;

- Căn cứ quy định số 900/2015/QĐ-TĐT ban hành ngày 13/7/2015 và Quy định bổ sung số 1784/2016/QĐ-TĐT ngày 01/11/2016 về việc học các học phần Cơ sở tin học theo chuẩn MOS;

- Xét đơn của sinh viên, kèm theo bảng điểm,

Trường Đại học Tôn Đức Thắng thông báo danh sách sinh viên được miễn học-bảo lưu các môn học sau:

STT	Bậc	Khóa	Ngành	MSSV	Lớp	Họ và Tên	Mã môn	Tên môn học	Số tín chỉ	Điểm	Ghi chú
1	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01103087	13000109	Võ Nguyễn Bảo My	002002	Trung văn 2	3	M	
2	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01103087	13000109	Võ Nguyễn Bảo My	002003	Trung văn 3	3	M	
3	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01103087	13000109	Võ Nguyễn Bảo My	002004	Trung văn 4	3	M	
4	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01203147	13000109	Phạm Nguyễn Thiên Lam	002001	Trung văn 1	3	M	
5	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01203147	13000109	Phạm Nguyễn Thiên Lam	002002	Trung văn 2	3	M	
6	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01203147	13000109	Phạm Nguyễn Thiên Lam	002003	Trung văn 3	3	M	
7	ĐH	17	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01203147	13000109	Phạm Nguyễn Thiên Lam	002004	Trung văn 4	3	M	
8	ĐH	17	Quản trị kinh doanh	71306120	13070602	Châu Thanh Huy	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 875
9	ĐH	18	Kỹ thuật điện	41401415	14040103	Nguyễn Khắc Công	503021	Cơ sở tin học 1	2	M	MOS 862
10	ĐH	18	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	41403229	14040301	Trần Quốc Tây	D02030	Giáo dục quốc phòng -HP3		6	
11	ĐH	18	Luật	71401120	140E0103	Bùi Thị Anh Phương	E01081	Luật kinh doanh 1	3	7,0	
12	ĐH	18	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01403090	14000303	Dương Thúy Hằng	002001	Trung văn 1	3	M	
13	ĐH	18	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01403090	14000109	Dương Thúy Hằng	002002	Trung văn 2	3	M	
14	ĐH	18	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01403090	14000109	Dương Thúy Hằng	002003	Trung văn 3	3	M	
15	ĐH	18	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành 2)	01403090	14000109	Dương Thúy Hằng	002004	Trung văn 4	3	M	
16	ĐH	19	Luật	E1500301	150E0103	Lê Thanh Phương	503021	Cơ sở tin học 1	2	M	MOS 954

STT	Bậc	Khóa	Ngành	MSSV	Lớp	Họ và Tên	Mã môn	Tên môn học	Số tín chỉ	Điểm	Ghi chú
17	ĐH	19	Luật	E1500301	150E0103	Lê Thanh Phương	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 875
18	ĐH	19	Ngôn ngữ Anh	01501288	15000107	Đỗ Ngọc Thúy	001155	IELTS	4	M	
19	ĐH	19	Ngôn ngữ Anh	01501346	15000107	Huỳnh Kim Ngân	001155	IELTS	4	M	
20	ĐH	19	Tài chính - Ngân hàng	B1501315	150B0101	DUANGPHACHAN Soukmixai	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 850
21	ĐH	20	Ngôn ngữ Anh	01600013	16000111	Nguyễn Hữu Đạt	001160	IELTS 3	4	M	
22	ĐH	20	Ngôn ngữ Anh	01600013	16000111	Nguyễn Hữu Đạt	001161	IELTS 4	4	M	
23	ĐH	20	Ngôn ngữ Anh	01600028	16000111	Nguyễn Thành Hiếu	001160	IELTS 3	4	M	
24	ĐH	20	Ngôn ngữ Anh	01600028	16000111	Nguyễn Thành Hiếu	001161	IELTS 4	4	M	
25	ĐH	22	Kế toán	21800250	18020161	Đào Thị Hoài	D02028	GDQP-HP1		M	Đã có chứng chỉ GDQP
26	ĐH	22	Kế toán	21800250	18020161	Đào Thị Hoài	D02029	GDQP-HP2		M	
27	ĐH	22	Kế toán	21800250	18020161	Đào Thị Hoài	D02030	GDQP-HP3		M	
28	ĐH	22	Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	41800539	18040201	Phan Tường Nguyên	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 825
29	ĐH	22	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	418H0081	18H40302	Nguyễn Thành Tâm	503021	Cơ sở tin học 1			MOS 944
30	ĐH	22	Ngôn ngữ Anh	018H0511	18H00102	Huỳnh Kim Phụng Loan	301001	Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin	5	8.3	
31	ĐH	22	Quan hệ lao động	A1800159	180A0002	Trịnh Thị Bích Ngọc	503021	Cơ sở tin học 1	2	M	MOS 954
32	ĐH	22	Quan hệ lao động	A1800159	180A0002	Trịnh Thị Bích Ngọc	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 925
33	ĐH	22	Quản trị kinh doanh	71305327	13070502	Nguyễn Thị Kim Trúc	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 900
34	ĐH	22	Quản trị kinh doanh	71801068	18070502	Hà Xuân Ngân	503021	Cơ sở tin học 1	2	M	MOS 908
35	ĐH	22	Quản trị kinh doanh	71802150	18070502	Nguyễn Đan Thúc Viên	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 886
36	ĐH	22	Quản trị kinh doanh	718H1680	18H70501	Đinh Trần Khánh Linh	503022	Cơ sở tin học 2	2	M	MOS 975
37	ĐH	22	Quản trị kinh doanh	718H2101	18H70702	Trần Ngọc Thu Duyên	503021	Cơ sở tin học 1	2	M	MOS 850

Nơi nhận

- P. Đại học, P. KT&KĐCL;
- Các Khoa liên quan, SV;
- Lưu: TCHC.



**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

Trịnh Minh Huyền